

Số: 623 /VTTC-KTTC

V/v: Công bố Công ty kiểm toán ký Hợp đồng kiểm toán  
Báo cáo tài chính năm 2020

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Đơn vị: Công ty CP Du lịch và Thương mại – Vinacomin

Trụ sở chính: Tầng 8 tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu,  
quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại: 024. 3518 0121

Fax: 024. 3851 0413

Mã chứng khoán: DLT

Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Phan Thị Hằng

Số điện thoại di động: 0975104688

Loại thông tin công bố:  24h  72 h  Yêu cầu  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty CP Du lịch và Thương mại – Vinacomin (VTTC) công bố đã ký Hợp đồng kiểm toán số 84/2020/HĐKT-BDO ngày 07/07/2020 với Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

*(Công ty xin gửi đính kèm Hợp đồng kiểm toán số 84/2020/HĐKT-BDO ngày 07/07/2020)*

Chúng tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Website Cty;
- Lưu KTTC, TCHC.

**Người được ủy quyền công bố thông tin**



*Phan Thị Hằng*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2020

**HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN**

(Hợp đồng số: 84/2020/HĐKT-BDO)

*(V/v: Kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin)*

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

**BÊN A:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI - VINACOMIN**


Người đại diện : Bà NGUYỄN ĐOAN TRANG  
Chức vụ : Giám đốc  
Địa chỉ : Tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại : 04 3518 0079  
Fax : 04 38510 413  
Mã số thuế : 0100101298  
Tài khoản tiền VND số : 0011000381367 tại Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

**BÊN B:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO**

Người đại diện : Bà MAI LAN PHƯƠNG  
Chức vụ : Tổng Giám đốc  
Địa chỉ : Tầng 20, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại : (04) 3783 3911  
Fax : (04) 3783 3914  
Mã số thuế : 0101333767  
Tài khoản tiền VND số : 0011003615864 tại Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Sau khi bàn bạc, thương lượng, hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng gồm các điều khoản sau:

✓ 1 



## **ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

Bên A đồng ý giao cho Bên B đảm trách công tác kiểm toán các báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2020 (bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bảng cân đối số phát sinh và Thuyết minh các báo cáo tài chính) của Bên A. Cuộc kiểm toán của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của bên A. Cuộc kiểm toán được chia thành 02 (hai) kỳ kiểm toán như sau:

- Soát xét Báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2020 kết thúc ngày 30/6/2020.
- Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.
- Danh sách các đơn vị được soát xét và kiểm toán:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa điểm</b>
Chi nhánh Quảng Ninh	Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Chi nhánh Vân Long	TP Cẩm Phả, Quảng Ninh
Chi nhánh Hà Nội	226 Lê Duẩn, Hà Nội
Cơ quan Công ty	Tầng 8, tòa nhà Việt Á, Duy Tân, Hà Nội

## **ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

### ***2.1 Trách nhiệm của Bên A***

Cuộc soát xét và kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban Quản trị (trong phạm vi phù hợp) của Bên A hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;
- Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
  - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
  - Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên Bên B yêu cầu Ban Giám đốc và Ban Quản trị (trong phạm vi phù hợp) cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc soát xét/kiểm toán;
  - Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và Bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng soát xét/kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình soát xét/kiểm toán.
- Cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình soát xét và quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện và Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám






độc Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót và tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh trên Báo cáo tài chính do Bên B tổng hợp trong quá trình soát xét/kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính;

- e) Bố trí địa điểm làm việc và tạo điều kiện thuận lợi cho các kiểm toán viên của Bên B được cử đến để thực hiện các nội dung đã ghi trong Hợp đồng;
- f) Thanh toán cho Bên B phí dịch vụ đúng thời hạn đã thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng này.

## **2.2 Trách nhiệm của Bên B**

### ***Đối với dịch vụ soát xét***

- a) Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.
- b) Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính, kế toán và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét Báo cáo tài chính về cơ bản hẹp hơn phạm vi một cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.
- c) Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của Bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.
- d) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét;
- e) Bên B thực hiện công việc soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố;
- f) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện soát xét. Theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra kết luận của mình về Báo cáo tài chính của Bên A. 




### ***Đối với dịch vụ kiểm toán***

- a) Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính xét trên phương diện tổng thể không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quan Báo cáo tài chính;
- b) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán;
- c) Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật về những số liệu, tài liệu, thông tin có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bên A mà Bên B thu được trong quá trình kiểm toán. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ thông tin cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố;
- d) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của Bên A.
- e) Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.
- f) Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

### **ĐIỀU 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính:

Sau khi kết thúc công tác soát xét, bên B sẽ cung cấp cho Bên A các tài liệu sau:

- Biên bản soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020. 



## **Báo cáo kiểm toán:**

Sau khi kết thúc kiểm toán, bên B sẽ cung cấp cho bên A các tài liệu sau:

- Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31/12/2020;
- 06 Báo cáo tài chính Công ty (tổng hợp) và 06 Báo cáo tài chính Cơ quan Công ty (riêng) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, bao gồm: Báo cáo kiểm toán, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh các báo cáo tài chính.
- Thư quản lý (nếu có) đề cập đến những điểm thiếu sót cần khắc phục và ý kiến đề xuất của kiểm toán viên nhằm cải tiến hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ. Thư quản lý, nếu có, được lập thành 03 (ba) bộ tiếng Việt. Bên A giữ 02 (hai) bộ, Bên B giữ 01 (một) bộ.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, số 705 và 706 các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

## **ĐIỀU 4: TRỊ GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

### **4.1 Trị giá hợp đồng:**

- Phí kiểm toán năm 2020	:	150.000.000 VNĐ
- Thuế giá trị gia tăng (10%)	:	15.000.000 VNĐ
<b>Tổng cộng</b>		<b>165.000.000 VNĐ</b>

(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn).

### **4.2 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo các đợt như sau:**

- Khi Bên B bắt đầu thực hiện công việc	:	82.500.000 VNĐ
- Khi Bên B giao báo cáo kiểm toán năm 2020	:	82.500.000 VNĐ
<b>Tổng cộng</b>		<b>165.000.000 VNĐ</b>

### **4.3 Bên A thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản qua ngân hàng.**

4.4 Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ. Thời hạn thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn GTGT phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

## **ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN**

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau và trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Mọi thông tin phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản theo địa chỉ đã ghi trên đây.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn. *h*

✓

*h*

**ĐIỀU 6: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

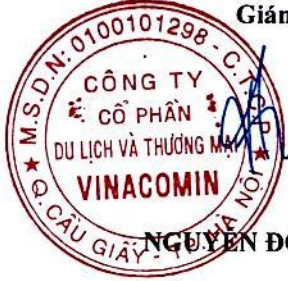
Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản tiếng Việt, các bản có giá trị như nhau. Mỗi bên ký hợp đồng sẽ giữ 01 bản.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày có đủ chữ ký và đóng dấu và có giá trị thực hiện cho đến khi thanh lý hợp đồng hoặc hai bên cùng nhất trí hủy bỏ hợp đồng.

*Đại diện Bên A*

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI - VINACOMIN

Giám đốc



NGUYEN DOAN TRANG

*Đại diện Bên B*

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

Tổng Giám đốc



MAI LAN PHUONG

